TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2018
"V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương,
2. Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 550/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2018/QĐXX - ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984;
Địa chỉ: ấp 2, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1985;
Địa chỉ: ấp 2, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản hòa giải 28/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L chung sống với nhau năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2017, anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị T cũng nhiều lần khuyên nhưng giữa vợ chồng ngày càng xa cách, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2017 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai có ý định hàn gắn với nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm hai bên không thể hàn gắn được, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 08/3/2006 và Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 04/8/2008. Hiện nay các con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi các con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

**** Theo ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 28/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: anh thừa nhận lời trình bày của chị T về việc hai người kết hôn năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của chị T. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 9/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân nay, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 08/3/2006 và Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 04/8/2008. Hiện nay các con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, anh đồng ý cấp dưỡng các nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

1. Bản sao giấy khai sinh tên Nguyễn Trung Đ và Nguyễn Thị Ngọc T do Ủy ban nhân dân xã B cấp.

2. Bản chính đơn xin xác nhận ngày 21/8/2018.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 28/9/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại ấp 2, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

- Về hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng chị T và anh L đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định " *1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*"; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: " *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....*". Do chị T và anh L không đăng ký kết hôn nên khi chị T xin ly hôn Hội động xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người; Và vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị T anh L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 08/3/2006 và Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 04/8/2008. Hiện nay các con chung đang sống với chị T. Đồng thời, các con chung đều có nguyện vọng sống với chị T; điều này phù hợp với sự thỏa thuận giữa chị T và anh L nên chấp nhận các con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 08/3/2006 và Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 04/8/2008 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi các con chung theo quy định của pháp luật, anh L đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "…. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con….".* Do đó, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng mỗi con chung số tiền bằng ½ tháng lương mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 11/2018 đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T và anh L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T và anh L thống nhất không có nợ chung của ai cũng không cho ai mượn nợ.

- Án phí: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 08/3/2006 và Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 04/8/2008, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng mỗi con chung số tiền bằng ½ tháng lương mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 11/2018 đến khi các con chung dủ 18 tuổi.

Anh L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T và anh L thống nhất không có nợ chung của ai cũng không cho ai mượn nợ.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000837 ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với anh L được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Trung Dũng